TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 39/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 91/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị R, sinh năm: 1986

HKTT: Thôn Xâm Hồng, xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Thôn Xâm Trong, xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1988

HKTT/chỗ ở: Thôn X, xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của chị R và bà B):

- Cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày: 30/10/2011
- Cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 14/9/2017

HKTT: thôn X, xã M, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Đức T là bố đẻ cháu anh Nguyễn Văn B.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị Kim A là mẹ đẻ cháu chị Nguyễn Thị R.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị R và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị R và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị R và anh Nguyễn Văn B đều xác nhận anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 30/10/2011 và cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 14/9/2017.

Ly hôn, chị R và anh B thỏa thuận thống nhất: Giao cháu Nguyễn Thị Kim A cho chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Đức T cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị R và anh B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị R và anh B đều xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận thống nhất để chị R chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001612 ngày 02/4/2026 của của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị R đã nộp đủ án phí, trả lại chị R số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND khu vực 4, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yêni – nay là xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 049 ngày 21/11/2009);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị T1